

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 01 - 2026
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Bằng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên;

Bà Nguyễn Thị Như Trang;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Việt Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2025/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2025, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị H**, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, tỉnh Hưng Yên. Căn cước công dân số 034191003863 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/3/2023.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Thanh Y**, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, tỉnh Hưng Yên. Căn cước công dân số 034091021497 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/9/2022.

(Nguyên đơn chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Y vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Vũ Thanh Y đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 21/3/2024. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chị H và anh Y về chung sống cùng với gia đình anh Y tại thôn Đ, xã Q, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng chị H, anh Y chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 7 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do chị H hiềm muộn về con cái; tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng chị H, anh Y đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2025 đến nay, không hỏi han, quan tâm đến nhau, sống bỏ mặc nhau muốn ai sống thế nào thì sống, nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Y không còn, chị H yêu cầu Toà án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Y.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị H và anh Y không có con chung, nguyên đơn chị H không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

- Về quan hệ tài sản: Nguyên đơn chị H trình bày, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Thanh Y đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Y vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc chị H xin ly hôn anh Y, nên Toà án không thu thập được lời khai của anh.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Hưng Yên nơi cư trú của các đương sự: UBND xã Q cung cấp, anh Y có hộ khẩu thường trú tại xã Q, tỉnh Hưng Yên, chị H và anh Y có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Hưng Yên). Chị H và anh Y sau khi kết hôn về chung sống với gia đình anh Y, mâu thuẫn giữa chị H và anh Y cụ thể như thế nào địa phương không nắm được. Nay chị H xin ly hôn anh Y, đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, chị H và anh Y không có con chung, đến thời điểm xác minh không nợ nần gì ở tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

Xác minh mẹ đẻ bị đơn anh Vũ Thanh Y là bà Nguyễn Thị M trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H anh Y chung sống ở gia đình bà. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H anh Y có thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn nhưng không lớn. Đến tháng 7/2025, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ, từ đó không thấy quay lại nhà bà, Toà án gửi văn bản tố tụng cho anh Y thông qua địa chỉ nhà bà M, anh Y là con bà đều nhận được văn bản tố tụng của Toà án vì anh Y cùng nơi cư trú với bà M, tuy nhiên do anh Y bận công việc nên không đến Toà án làm việc được, anh Y có nhờ bà M thông tin lại với Toà án nội dung: Việc chị H xin ly hôn anh Y như thế nào tại Tòa án, anh Y mặc kệ chị H, nếu chị H nhất quyết xin ly hôn anh Y, thì anh Y cũng không níu kéo. Bà M cam kết với Tòa án nếu nhận được các văn bản tố tụng của Toà án gửi cho anh Y bà M đồng ý nhận và cam kết giao tận tay cho anh Y trong ngày để anh Y thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bà M cũng đề nghị Toà án giải quyết việc chị H xin ly hôn

anh Y theo quy định của pháp luật. Về con chung, chị H và anh Y, vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung, chị H và anh Y, vợ chồng không có tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký phiên toà và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là LHNGĐ), xử cho chị H được ly hôn với anh Y; về quan hệ con chung: Không có con chung, không đặt ra giải quyết; về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu không đặt ra giải quyết; về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị H xin ly hôn với bị đơn anh Y, anh Y có địa chỉ tại xã Q, tỉnh Hưng Yên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên tham gia phiên toà là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21 của BLTTDS. Tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo trình tự chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị H và bị đơn anh Y tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 31/3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Hưng Yên) là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn chị H và anh Y chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 7/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống; chị H và anh Y, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2025 đến nay không hỏi han quan tâm đến nhau, sống bỏ mặc nhau muốn ai sống thế nào thì sống, qua xác minh tại địa phương và người thân của bị đơn anh Y cho kết quả, chị H và anh Y có kết hôn hợp pháp, có thời gian chung sống hòa thuận hạnh phúc, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 8/2025 đến nay, chị H, anh Y vợ chồng không có con chung, nay chị H xin ly hôn anh Y, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, giữa chị H và anh Y, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hôn

nhân giữa chị H và anh Y vì thế đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, HĐXX thấy rằng cần áp dụng khoản 1 Điều 56 của LHNGĐ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H, để giải phóng cho chị H và anh Y.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H trình bày; vợ, chồng chị H anh Y không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết về con cái, nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản: Nguyên đơn chị H không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, Bị đơn anh Y không có lời khai, nên HĐXX không đặt ra giải quyết về tài sản.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của BLTTDS; Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phan Thị H và bị đơn anh Vũ Thanh Y được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn chị Phan Thị H được ly hôn bị đơn anh Vũ Thanh Y.

3. Về quan hệ con chung: Không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001602 ngày 01/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phan Thị H và bị đơn anh Vũ Thanh Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Quang Lịch, Hưng Yên;
- Lưu: hồ sơ VA, vp TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Xuân Bằng

